

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

Dự thảo 3.8.2015

THÔNG TƯ

Hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết chứng khoán và đăng ký giao dịch chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Thông tư này quy định về:

- Điều kiện niêm yết của công ty cổ phần hình thành sau quá trình hợp nhất, sáp nhập và hoán đổi cổ phần;

- Quy định về hoạt động đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom;
- Quy định liên quan đến việc hủy niêm yết, hủy đăng ký giao dịch;
- Hồ sơ, thủ tục niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán tại các Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Công ty cùng loại* là công ty có cùng mô hình tổ chức doanh nghiệp như: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn.

2. *Hợp nhất doanh nghiệp* là trường hợp hai hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty mới (sau đây gọi là công ty hợp nhất), đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị hợp nhất theo quy định tại Điều 194 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

3. *Sáp nhập doanh nghiệp* là trường hợp một hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (sau đây gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

4. *Công ty mục tiêu* tại Thông tư này là công ty có cổ phiếu, phần vốn góp dùng để hoán đổi lấy cổ phiếu của công ty đại chúng.

57. *Đăng ký giao dịch* là việc đưa chứng khoán công ty đại chúng vào giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

8. *Chứng khoán đăng ký giao dịch* là chứng khoán của công ty đại chúng được chấp thuận đăng ký giao dịch.

9. *Tổ chức đăng ký giao dịch* là công ty đại chúng có chứng khoán đăng ký giao dịch.

Chương II

NIỆM YẾT CHỨNG KHOÁN TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 3. Điều kiện niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh của công ty cổ phần hình thành sau hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp:

1. Điều kiện niêm yết cổ phiếu

1.1. Điều kiện niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau hợp nhất doanh nghiệp

a) Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty đều là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a, c, d, đ, e Khoản 1

Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

b) Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty trong đó có ít nhất một công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và đồng thời có ít nhất một công ty không phải là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thì phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a, c, d, đ, e Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP; đồng thời công ty chưa niêm yết phải có tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm gần nhất tối thiểu là 05% và hoạt động kinh doanh của hai (02) năm liền trước năm hợp nhất phải có lãi; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một (01) năm; không có lỗ lũy kế tính đến năm hợp nhất trên cơ sở báo cáo tài chính được lập theo các quy định của pháp luật về kế toán và đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận.

c) Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty đều không phải là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thì phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

d) Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty mà một trong các công ty đó là doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định của Thủ tướng Chính phủ mà tại công ty sau hợp nhất, nhà nước vẫn nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên thì công ty hình thành sau hợp nhất không phải đáp ứng điều kiện nêu tại điểm d Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

đ) Việc cam kết nắm giữ cổ phiếu theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được tính từ thời điểm Sở giao dịch chứng khoán cấp Quyết định chấp thuận niêm yết.

1.2. Điều kiện niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau sáp nhập doanh nghiệp

a) Trường hợp công ty nhận sáp nhập và công ty bị sáp nhập đều là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, công ty hình thành sau sáp nhập phải thực hiện đăng ký thay đổi niêm yết.

b) Trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty niêm yết, công ty bị sáp nhập không phải là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, công ty hình thành sau sáp nhập được thực hiện đăng ký thay đổi niêm yết cho phần cổ phiếu hoán đổi của công ty bị sáp nhập khi đáp ứng các điều kiện sau:

b1) Công ty bị sáp nhập có tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm gần nhất tối thiểu là 05% và hoạt động kinh doanh của hai (02) năm liền trước năm sáp nhập phải có lãi; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một (01) năm; không có lỗ lũy kế tính đến năm sáp nhập trên cơ sở báo cáo tài chính được lập theo các quy định của pháp luật về kế toán và đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; hoặc

b2) Công ty hình thành sau sáp nhập có tỷ lệ ROE trên báo cáo tài chính

hợp nhất được kiểm toán (lập ngay sau thời điểm sáp nhập) hoặc báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán bán niên hoặc báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm (lập sau thời điểm sáp nhập) tối thiểu là 05% hoặc có tỷ lệ ROE dương trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (lập ngay sau thời điểm sáp nhập) hoặc báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán bán niên hoặc báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm (lập sau thời điểm sáp nhập) và lớn hơn tỷ lệ ROE trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán của công ty nhận sáp nhập.

c) Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định tại điểm b1, b2 khoản này và phân vốn phát hành thêm (tương ứng với số vốn của công ty bị sáp nhập) dẫn đến làm phát sinh tăng trên 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành) thì công ty hình thành sau sáp nhập sẽ bị hủy niêm yết bắt buộc theo quy định tại Điều 8 và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Thông tư này.

Trường hợp phân vốn phát hành thêm (tương ứng với số vốn của công ty bị sáp nhập) dẫn đến phát sinh dưới 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành) thì số cổ phiếu phát hành thêm chỉ được niêm yết bổ sung sau một (01) năm kể từ thời điểm công ty hình thành sau sáp nhập được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

d) Trường hợp công ty nhận sáp nhập không phải là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, công ty hình thành sau sáp nhập phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

Trường hợp công ty sau sáp nhập từ hai (02) hoặc một số công ty trong đó có doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định của Thủ tướng Chính phủ mà tại công ty sau sáp nhập, nhà nước vẫn nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên thì công ty sau sáp nhập không phải đáp ứng điều kiện nêu tại điểm d Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

2. Điều kiện niêm yết trái phiếu sau hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp

Công ty hình thành sau hợp nhất/sáp nhập thực hiện đăng ký niêm yết trái phiếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

Điều 4. Điều kiện niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh của công ty niêm yết sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phân vốn góp tại công ty mục tiêu dẫn đến làm phát sinh tăng trên 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành)

1. Trường hợp giao dịch hoán đổi giữa công ty niêm yết và công ty mục tiêu, trong đó giá trị của giao dịch hoán đổi đạt trên 50% vốn điều lệ thực góp của công ty niêm yết (trước khi phát hành) thì công ty niêm yết thực hiện đăng ký thay đổi niêm yết phần cổ phiếu đã phát hành để hoán đổi sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Không có lỗ lũy kế và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) tối thiểu là 05% căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán lập ngay sau khi hoàn tất hoán đổi hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên được

kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất năm được kiểm toán lập sau khi hoán đổi. Vốn chủ sở hữu tính bình quân đầu kỳ và cuối kỳ căn cứ trên báo cáo tài chính này;

b) Các điều kiện niêm yết quy định tại điểm c, d, đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;

c) Cơ cấu cổ đông theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP căn cứ trên số cổ đông lập sau khi hoàn tất hoán đổi và trong vòng 01 tháng trước khi nộp hồ sơ đăng ký thay đổi niêm yết cho số cổ phiếu hoán đổi;

d) Cam kết nắm giữ cổ phiếu theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP tính trên số cổ phiếu nhận hoán đổi và được tính từ thời điểm Sở giao dịch chứng khoán cấp Quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết.

2. Trường hợp công ty niêm yết không đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này thì công ty niêm yết sẽ bị hủy niêm yết bắt buộc theo quy định tại Điều 8 Thông tư này và thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Thông tư này.

Điều 5. Điều kiện niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội của công ty cổ phần hình thành hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp

1. Điều kiện niêm yết cổ phiếu

1.1. Điều kiện niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau hợp nhất doanh nghiệp

a) Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty đều là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a, c, d, đ Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

b) Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty trong đó có ít nhất một công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đồng thời có ít nhất một công ty không phải là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì phải đáp ứng các điều kiện quy định tại các điểm a, c, d, đ Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP; đồng thời công ty chưa niêm yết phải có tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm liền trước năm hợp nhất tối thiểu là 05%; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một (01) năm, không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm hợp nhất trên cơ sở báo cáo tài chính được lập theo các quy định của pháp luật về kế toán và đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập được chấp thuận.

c) Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty đều không phải là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thì phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

d) Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số

công ty mà một trong các công ty đó là doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định của Thủ tướng Chính phủ mà tại công ty sau hợp nhất, nhà nước vẫn nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên thì công ty hình thành sau hợp nhất không phải đáp ứng điều kiện nêu tại điểm c Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

đ) Việc cam kết nắm giữ cổ phiếu theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP được tính từ thời điểm Sở giao dịch chứng khoán cấp Quyết định chấp thuận niêm yết.

1.2. Điều kiện niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau sáp nhập doanh nghiệp

a) Trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và công ty bị sáp nhập là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, công ty hình thành sau sáp nhập phải thực hiện đăng ký thay đổi niêm yết.

b) Trường hợp công ty nhận sáp nhập là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, công ty bị sáp nhập không phải là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, công ty hình thành sau sáp nhập sẽ được thực hiện đăng ký thay đổi niêm yết cho phần cổ phiếu hoán đổi của công ty bị sáp nhập khi đáp ứng các điều kiện sau:

b1) Công ty bị sáp nhập có tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm liền trước năm sáp nhập tối thiểu là 05%; không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một (01) năm, không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm sáp nhập trên cơ sở báo cáo tài chính được lập theo các quy định của pháp luật về kế toán và đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; hoặc

b2) Công ty hình thành sau sáp nhập có tỷ lệ ROE trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (lập ngay sau thời điểm sáp nhập) hoặc báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán bán niên hoặc báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm (lập sau thời điểm sáp nhập) tối thiểu là 05% hoặc có tỷ lệ ROE dương trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (lập ngay sau thời điểm sáp nhập) hoặc báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán bán niên hoặc báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm (lập sau thời điểm sáp nhập) và lớn hơn tỷ lệ ROE trên báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán của công ty nhận sáp nhập.

c) Trường hợp không thỏa mãn các điều kiện quy định tại điểm b1, b2 khoản này và phân vốn phát hành thêm (tương ứng với số vốn của công ty bị sáp nhập) dẫn đến làm phát sinh tăng trên 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành) thì công ty hình thành sau sáp nhập sẽ bị hủy niêm yết bắt buộc theo quy định tại Điều 8 và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Thông tư này.

Trường hợp phân vốn phát hành thêm (tương ứng với số vốn của công ty bị sáp nhập) dẫn đến phát sinh dưới 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành) thì số cổ phiếu phát hành thêm chỉ được niêm yết bổ sung sau một (01) năm kể từ thời điểm công ty hình thành sau sáp nhập được cấp giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh.

d) Trường hợp công ty nhận sáp nhập không phải là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, công ty hình thành sau sáp nhập phải đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

Trường hợp công ty sau sáp nhập từ hai (02) hoặc một số công ty trong đó có doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định của Thủ tướng Chính phủ mà tại công ty sau sáp nhập, nhà nước vẫn nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên thì công ty sau sáp nhập không phải đáp ứng điều kiện nêu tại điểm c Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

2. Điều kiện niêm yết trái phiếu sau hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp

Công ty hình thành sau hợp nhất, sáp nhập thực hiện đăng ký niêm yết trái phiếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

Điều 6. Xem xét lại điều kiện niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội của công ty niêm yết sau khi thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp tại công ty mục tiêu dẫn đến làm phát sinh tăng trên 50% vốn điều lệ thực góp (trước khi phát hành)

1. Trường hợp giao dịch hoán đổi giữa công ty niêm yết và công ty mục tiêu, trong đó giá trị của giao dịch hoán đổi đạt trên 50% vốn điều lệ thực góp của công ty niêm yết (trước khi phát hành) thì công ty niêm yết thực hiện đăng ký thay đổi niêm yết phần cổ phiếu đã phát hành để hoán đổi sau khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Không có lỗ lũy kế và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) tối thiểu là 05% căn cứ trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán lập ngay sau khi hoàn tất hoán đổi hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất năm được kiểm toán lập sau khi hoán đổi. Vốn chủ sở hữu tính bình quân đầu kỳ và cuối kỳ căn cứ trên báo cáo tài chính này;

b) Các điều kiện niêm yết quy định tại điểm c, d Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;

c) Cơ cấu cổ đông theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP căn cứ trên sổ cổ đông lập sau khi hoàn tất hoán đổi và trong vòng 01 tháng trước khi nộp hồ sơ đăng ký thay đổi niêm yết cho sổ cổ phiếu hoán đổi;

d) Cam kết nắm giữ cổ phiếu theo quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP tính từ thời điểm Sở giao dịch chứng khoán cấp Quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết.

2. Trường hợp công ty niêm yết không đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này thì công ty niêm yết sẽ bị hủy niêm yết bắt buộc theo quy định tại Điều 8 Thông tư này và thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Thông tư này.

Điều 7. Hồ sơ, thủ tục đăng ký niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán

1. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu:

1.1. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu lần đầu:

a) Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu theo quy định tại điểm đ, e, g, h, i, k Khoản 2 Điều 57 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Điểm b Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP;

b) Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu theo mẫu tại Phụ lục số 01 (a);

c) Sổ đăng ký cổ đông được lập trong thời hạn một (01) tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết kèm theo danh sách cổ đông lớn, người nội bộ, cổ đông chiến lược, người được ủy quyền công bố thông tin (số lượng, tỷ lệ nắm giữ, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có)) và nhóm người có liên quan của người nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin.

d) Bản sao Công văn thông báo cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc đăng ký ngày chốt danh sách cổ đông để lập Sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại tiết c điểm 1.1 Khoản 1 Điều này trong trường hợp tổ chức phát hành là công ty đại chúng đã đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và chưa niêm yết, đăng ký giao dịch.

đ) Bản cáo bạch theo mẫu tại Phụ lục số 02.

1.2. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau hợp nhất:

a) Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty đều là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán:

- Hồ sơ đăng ký niêm yết theo Khoản 1.1 Điều này, ngoại trừ Phụ lục VI, VII về báo cáo kiểm toán và các báo cáo tài chính tại Bản cáo bạch;

- Hợp đồng hợp nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp nhất doanh nghiệp (trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

b) Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty trong đó có ít nhất một công ty niêm yết và một công ty không phải là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán:

- Hồ sơ đăng ký niêm yết theo Khoản 1.1 Điều này, ngoại trừ Phụ lục VI, VII về báo cáo kiểm toán và các báo cáo tài chính tại Bản cáo bạch;

- Công ty chưa niêm yết phải có báo cáo tài chính kiểm toán của 2 năm trước thời điểm hợp nhất;

- Hợp đồng hợp nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp nhất doanh nghiệp (trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

c) Trường hợp công ty hình thành sau hợp nhất từ hai (02) hoặc một số công ty đều không phải là công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, hồ sơ đăng ký niêm yết theo Khoản 1.1 Điều này.

1.3. Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau sáp nhập:

a) Trường hợp công ty cổ phần hình thành sau sáp nhập theo quy định tại điểm a Khoản 1.2 Điều 3 và điểm a Khoản 1.2 Điều 5 Thông tư này, hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết theo Khoản 2 Điều 59 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP;

- Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sáp nhập doanh nghiệp (trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

b) Trường hợp công ty cổ phần hình thành sau sáp nhập theo quy định tại điểm b1, b2 Khoản 1.2 Điều 3 và điểm b1, b2 Khoản 1.2 Điều 5 Thông tư này:

- Hồ sơ đăng ký niêm yết theo Khoản 1.1 Điều này;

- Hợp đồng sáp nhập theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc sáp nhập doanh nghiệp (trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền);

- Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán trước thời điểm sáp nhập của công ty nhận sáp nhập;

- Báo cáo tài chính kiểm toán của 2 năm trước thời điểm sáp nhập của công ty bị sáp nhập đối với trường hợp công ty cổ phần hình thành sau sáp nhập theo quy định tại điểm b1 Khoản 1.2 Điều 3 Thông tư này;

- Báo cáo tài chính kiểm toán của 1 năm trước thời điểm sáp nhập của công ty bị sáp nhập đối với trường hợp công ty cổ phần hình thành sau sáp nhập theo quy định điểm b1 Khoản 1.2 Điều 5 Thông tư này;

- Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (lập ngay sau thời điểm sáp nhập) hoặc báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán bán niên hoặc báo cáo tài chính hợp nhất năm được kiểm toán (lập sau thời điểm sáp nhập) của công ty hình thành sau sáp nhập đối với trường hợp công ty cổ phần hình thành sau sáp nhập theo quy định tại điểm b2 Khoản 1.2 Điều 3 và điểm b2 Khoản 1.2 Điều 5 Thông tư này.

c) Trường hợp công ty cổ phần hình thành sau sáp nhập theo quy định tại điểm c Khoản 1.2 Điều 3 và điểm c Khoản 1.2 Điều 4 Thông tư này, hồ sơ đăng ký niêm yết theo Khoản 1.1 Điều này.

1.4. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết của Công ty niêm yết sau hoán đổi cổ phiếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 và Khoản 1 Điều 6 Thông tư này bao gồm:

a) Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết theo quy định tại Khoản 2 Điều 59 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP;

b) Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán (lập ngay sau khi hoàn tất hoán đổi) hoặc Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính năm hợp nhất kiểm toán (lập sau thời điểm hoán đổi);

c) Sổ cổ đông lập sau khi hoàn tất hoán đổi và trong vòng 1 tháng trước khi nộp hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết cho sổ cổ phiếu hoán đổi.

1.5. Hồ sơ, thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết:

a) Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết theo quy định tại Khoản 2 Điều 59 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Khoản 19 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP;

b) Trường hợp phát hành thêm cổ phiếu (bao gồm cả phát hành ra công chúng và phát hành riêng lẻ), tổ chức niêm yết phải làm thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết trong vòng ba mươi (30) ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán.

2. Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu bao gồm:

a) Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu theo quy định tại điểm b, c, đ, e, g, h, i Khoản 3 Điều 57 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;

b) Giấy đăng ký niêm yết theo mẫu tại Phụ lục số 01 (b);

c) Bản cáo bạch theo mẫu tại Phụ lục số 02.

3. Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ đại chúng và cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm:

a) Hồ sơ đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ đại chúng và cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại điểm b, c, đ, e, g, h Khoản 4 Điều 57 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Điểm g Khoản 18 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP;

b) Giấy đăng ký niêm yết theo mẫu tại Phụ lục số 01 (c) và số 01 (d);

c) Bản cáo bạch theo mẫu tại Phụ lục số 03 và số 04.

4. Công ty cổ phần hình thành sau hợp nhất theo quy định tại điểm a, b Khoản 1.1 Điều 3; điểm a, b Khoản 1.1 Điều 5 phải tiến hành các thủ tục đăng ký niêm yết trong thời hạn ba (03) tháng kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp Công ty tiến hành các thủ tục niêm yết sau thời hạn trên thì phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 53 hoặc Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

5. Trường hợp công ty cổ phần hình thành sau hợp nhất theo quy định tại điểm c Khoản 1.1 Điều 3, điểm c Khoản 1.1 Điều 5 Thông tư này và đáp ứng các điều kiện niêm yết theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 hoặc Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP (trừ quy định về thời gian hoạt động theo quy định tại tiết b Khoản 1 Điều 53 và tiết b Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP) thì được tiến hành các thủ tục niêm yết trong thời hạn tối đa sáu (06) tháng kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau thời hạn nêu trên, công ty thực hiện niêm yết khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 hoặc Khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

6. Doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng mà đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 hoặc Khoản 1 Điều 54 Nghị định

58/2010/NĐ-CP thì doanh nghiệp phải nộp hồ sơ niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán và báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN.

Điều 8: Hủy niêm yết bắt buộc

1. Các trường hợp hủy bỏ niêm yết bắt buộc thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 60 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Khoản 20, Khoản 24 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

2. Sở giao dịch chứng khoán sẽ thông báo cho tổ chức niêm yết và công bố thông tin ra thị trường khi phát hiện chứng khoán niêm yết có khả năng bị hủy niêm yết theo quy định tại Khoản 1 Điều này và yêu cầu tổ chức niêm yết, công ty quản lý quỹ báo cáo giải trình cụ thể.

3. Sở giao dịch chứng khoán có thể xem xét cho chứng khoán thuộc diện hủy niêm yết được giao dịch tối đa ba mươi (30) ngày trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực.

Điều 9: Hủy niêm yết tự nguyện

1. Các điều kiện hủy bỏ niêm yết tự nguyện thực hiện theo quy định tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP; trong đó tỷ lệ biểu quyết của các cổ đông không phải là cổ đông lớn được tính toán căn cứ vào toàn bộ số cổ đông không phải là cổ đông lớn của công ty trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc danh sách cổ đông được gửi phiếu biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

2. Tổ chức đăng ký hủy niêm yết theo Khoản 1 Điều này phải nộp một (01) bộ hồ sơ đề nghị hủy niêm yết theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 60 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

3. Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Sở giao dịch chứng khoán xem xét chấp thuận hủy niêm yết chứng khoán. Trường hợp từ chối, Sở giao dịch chứng khoán có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 10: Đăng ký niêm yết lại

1. Tổ chức có chứng khoán bị hủy bỏ niêm yết theo các quy định tại Điều 8, Điều 9 Thông tư này chỉ được đăng ký niêm yết lại sau 12 tháng kể từ khi bị hủy bỏ niêm yết nếu đáp ứng các điều kiện niêm yết.

2. Hồ sơ và thủ tục đăng ký niêm yết lại thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

Chương III

ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRÊN HỆ THỐNG GIAO DỊCH UPCOM

Điều 11. Đối tượng đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom

1. Công ty đại chúng theo quy định tại Điều 25 Luật Chứng khoán có chứng khoán đã đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và chưa niêm yết được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

2. Tổ chức phát hành thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng phải thực hiện đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán chứng khoán ra công chúng.

3. Công ty hủy niêm yết mà vẫn đáp ứng là công ty đại chúng phải thực hiện đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày chính thức hủy niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

4. Công ty niêm yết sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách hoặc phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp tại công ty mục tiêu mà không đáp ứng điều kiện niêm yết nhưng vẫn là công ty đại chúng thì phải đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom trong thời hạn tối đa ba mươi (30) ngày kể từ ngày hoàn tất việc sáp nhập, hợp nhất, chia, tách hoặc hoán đổi cổ phiếu.

5. Trường hợp doanh nghiệp nhà nước chào bán cổ phiếu ra công chúng để cổ phần hóa doanh nghiệp theo quy định pháp luật về cổ phần hóa thì trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, công ty phải thực hiện đăng ký đại chúng với UBCKNN, đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Điều 12: Thay đổi đăng ký giao dịch Upcom

Các trường hợp thay đổi đăng ký giao dịch bao gồm:

1. Tổ chức đăng ký giao dịch thực hiện tách, gộp cổ phiếu, phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức hoặc cổ phiếu thưởng hoặc chào bán quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;

2. Tổ chức đăng ký giao dịch bị tách hoặc nhận sáp nhập;

3. Các trường hợp thay đổi số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch khác trên Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 13. Hủy bỏ đăng ký giao dịch Upcom

Chứng khoán bị hủy bỏ đăng ký giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Tổ chức đăng ký giao dịch không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo thông báo hủy đăng ký công ty đại chúng của UBCKNN;

2. Tổ chức đăng ký giao dịch chấm dứt sự tồn tại do sáp nhập, hợp nhất, chia, giải thể hoặc phá sản;

3. Tổ chức đăng ký giao dịch bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành;

4. Tổ chức đăng ký giao dịch được chấp thuận niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán;

5. Các trường hợp khác mà Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

Điều 14: Hồ sơ và thủ tục đăng ký giao dịch Upcom

1. Đối với công ty đại chúng chưa niêm yết:

1.1. Hồ sơ đăng ký lưu ký chứng khoán nộp tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký chứng khoán (theo mẫu tại Phụ lục số 05);

b) Các tài liệu đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

1.2. Hồ sơ đăng ký giao dịch chứng khoán nộp tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký giao dịch chứng khoán (theo mẫu tại Phụ lục số 06);

b) Thông tin tóm tắt (theo mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo số Nghị định 58/2012/NĐ-CP);

c) Báo cáo tài chính được kiểm toán năm liền trước năm đăng ký giao dịch;

d) Bản sao Công văn thông báo cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam về việc đăng ký ngày chốt danh sách cổ đông để đăng ký giao dịch.

1.3. Trường hợp công ty đại chúng chưa đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, công ty nộp hồ sơ đăng ký chứng khoán và hồ sơ đăng ký giao dịch Upcom trực tiếp hoặc qua đường bưu điện trong cùng ngày cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định tại Điểm 1.1 và 1.2 Khoản 1 Điều này.

Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán cho tổ chức phát hành đồng thời gửi Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có trách nhiệm hoàn tất việc đưa chứng khoán lên giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

1.4. Trường hợp công ty đại chúng đã đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, công ty nộp hồ sơ đăng ký giao dịch Upcom trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định tại Điểm 1.2 Khoản 1 Điều này và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.

Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có trách nhiệm hoàn tất việc đưa chứng khoán lên giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

2. Đối với công ty đại chúng hủy niêm yết:

a) Hồ sơ đăng ký giao dịch nộp tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (theo mẫu tại Phụ lục 06);

- Thông tin tóm tắt (theo mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 58/2012/NĐ-CP);

- Bản sao Quyết định hủy niêm yết (trường hợp công ty đại chúng hủy niêm yết tại SGDCK TP. Hồ Chí Minh);

- Bản sao Báo cáo tài chính có kiểm toán của năm gần nhất trước thời điểm hủy niêm yết của công ty đại chúng (trường hợp hủy niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

b) Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

3. Đối với công ty đại chúng sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách hoặc do tổ chức thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp tại công ty mục tiêu dẫn đến không đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết quy định tại Thông tư này và bị hủy niêm yết:

a) Hồ sơ đăng ký giao dịch nộp tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (theo mẫu tại Phụ lục 06);

- Bản cáo bạch thuộc hồ sơ đăng ký niêm yết đã được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận và bản sao Quyết định hủy niêm yết (trường hợp hủy niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bản sao Báo cáo tài chính có kiểm toán của năm gần nhất trước thời điểm hủy niêm yết của công ty đại chúng hủy niêm yết (trường hợp hủy niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

b) Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp Quyết định chấp thuận đăng ký giao dịch trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Điều 15. Hồ sơ, thủ tục thay đổi đăng ký giao dịch Upcom

1. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh, tổ chức đăng ký giao dịch nộp hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch cho Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Hồ sơ thay đổi đăng ký giao dịch bao gồm :

- Giấy đề nghị thay đổi đăng ký giao dịch (theo mẫu tại Phụ lục 07);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đã được điều chỉnh do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp;
- Các tài liệu liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch.

3. Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp Quyết định chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Trường hợp từ chối chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trả lời công ty đại chúng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2015 thay thế cho Thông tư 73/2013/TT-BTC ngày 29 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 01/2015/TT-BTC ngày 05 tháng 1 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết.

2. Trên cơ sở quy định tại Thông tư này, Sở giao dịch chứng khoán ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

Các Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, công ty đăng ký niêm yết, đăng ký giao dịch và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này. ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Viện Kiểm sát NDTC, Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; Website BTC;
- Lưu: VT, UBCK.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Xuân Hà

DANH SÁCH PHỤ LỤC

Số thứ tự	Phụ lục	Tên phụ lục
1	Phụ lục số 01 (a)	Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu
2	Phụ lục số 01 (b)	Giấy đăng ký niêm yết trái phiếu
3	Phụ lục số 01 (c)	Giấy đăng ký niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư đại chúng
4	Phụ lục số 01 (d)	Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng
5	Phụ lục số 02	Mẫu bản cáo bạch niêm yết cổ phiếu/trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán
6	Phụ lục số 03	Mẫu bản cáo bạch niêm yết chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán
7	Phụ lục số 04	Mẫu bản cáo bạch niêm yết cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán
8	Phụ lục số 05	Mẫu giấy đề nghị đăng ký chứng khoán
9	Phụ lục số 06	Mẫu giấy đề nghị đăng ký giao dịch
10	Phụ lục số 07	Mẫu giấy đề nghị thay đổi đăng ký giao dịch

Phụ lục số 01 (a)

GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Cổ phiếu:.... (tên cổ phiếu)

Mã cổ phiếu (nếu có)

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán ...

I. Giới thiệu về tổ chức đăng ký niêm yết:

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết (đầy đủ):

2. Tên tiếng Anh (nếu có)

3. Tên viết tắt (nếu có):

4. Vốn điều lệ đăng ký:

5. Vốn điều lệ thực góp:

6. Địa chỉ trụ sở chính:

7. Điện thoại:

Fax:

8. Nơi mở tài khoản:

Số hiệu tài khoản:

9. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do cấp ngày... hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số: do cấp ngày.....

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

Mã số:

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

II. Cổ phiếu đăng ký niêm yết:

1. Tên cổ phiếu:

2. Loại cổ phiếu:
3. Mệnh giá cổ phiếu: đồng
4. Giá niêm yết dự kiến: đồng
5. Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: cổ phiếu
6. Thời gian dự kiến niêm yết:
7. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký niêm yết trên tổng số cổ phần đã phát hành:

III. Các bên liên quan:

(Tổ chức tư vấn niêm yết, kiểm toán...)

IV. Cam kết của tổ chức đăng ký:

Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại. Chúng tôi cam kết:

Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

V. Hồ sơ kèm theo:

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu;
2. Sổ đăng ký cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết được lập trong thời hạn một tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết. Sổ đăng ký cổ đông phải kèm theo bản liệt kê danh sách cổ đông lớn, người nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin, cổ đông chiến lược (số lượng, tỷ lệ nắm giữ, thời gian bị hạn chế chuyển nhượng (nếu có));
3. Bản cáo bạch theo mẫu của Bộ Tài chính;
4. Cam kết của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng và cam kết của cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo;
5. Hợp đồng tư vấn niêm yết (nếu có);
6. Giấy cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có);
7. Danh sách những người có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng, giám đốc tài chính, trưởng phòng kế toán, người được ủy quyền công bố thông tin;
8. Giấy chứng nhận của Trung tâm lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu của tổ chức đó đã đăng ký, lưu ký tập trung;

9. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng cổ phần;
10. (Các tài liệu khác nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...
(tên tổ chức đăng ký niêm yết)
**Đại diện theo pháp luật của tổ chức
đăng ký niêm yết**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 01 (b)

GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

Trái phiếu:.... *(tên trái phiếu)*

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán ...

I. Giới thiệu về tổ chức đăng ký niêm yết:

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết *(đầy đủ)*:
2. Tên Tiếng Anh *(nếu có)*:
3. Tên viết tắt *(nếu có)*:
4. Vốn điều lệ đăng ký:
5. Vốn điều lệ thực góp:
6. Địa chỉ trụ sở chính:
7. Điện thoại: Fax:
8. Nơi mở tài khoản: Số hiệu tài khoản:
9. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ... do cấp ngày... hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số: do cấp ngày.....
 - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã số:
 - Sản phẩm/dịch vụ chính:

II. Trái phiếu đăng ký niêm yết:

1. Tên trái phiếu:
2. Loại trái phiếu:
3. Thời hạn trái phiếu: ... năm
4. Kỳ hạn trả lãi:
5. Lãi suất danh nghĩa:

6. Mệnh giá trái phiếu: đồng
7. Giá niêm yết dự kiến: đồng
8. Số lượng trái phiếu đăng ký niêm yết: trái phiếu
9. Thời gian dự kiến niêm yết:
10. Tỷ lệ số trái phiếu đăng ký niêm yết trên tổng số trái phiếu đã phát hành:

III. Các bên liên quan:

(Tổ chức tư vấn niêm yết, kiểm toán...)

IV. Cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết:

Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua trái phiếu chịu thiệt hại. Chúng tôi cam kết:

Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

V. Hồ sơ kèm theo:

1. Quyết định thông qua việc niêm yết trái phiếu của Hội đồng quản trị hoặc trái phiếu chuyển đổi của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần), niêm yết trái phiếu của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên) hoặc Chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên);
2. Sổ đăng ký chủ sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết;
3. Bản cáo bạch theo mẫu của Bộ Tài chính;
4. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức đăng ký niêm yết đối với nhà đầu tư, bao gồm các điều kiện thanh toán, tỉ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu, điều kiện chuyển đổi (trường hợp niêm yết trái phiếu chuyển đổi) và các điều kiện khác;
5. Cam kết bảo lãnh thanh toán hoặc Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm, kèm tài liệu hợp lệ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp và hợp đồng bảo hiểm (nếu có) đối với các tài sản đó trong trường hợp niêm yết trái phiếu có bảo đảm. Tài sản dùng để bảo đảm phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền;
6. Hợp đồng giữa tổ chức phát hành và đại diện người sở hữu trái phiếu;
7. Giấy chứng nhận của Trung tâm lưu ký chứng khoán về việc trái phiếu của tổ chức đó đã đăng ký, lưu ký tập trung;
8. Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng cổ phần;
9. (Các tài liệu khác nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...

(tên tổ chức niêm yết)

Đại diện theo pháp luật của tổ chức đăng ký niêm yết

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số chứng chỉ quỹ này trong thời gian 6 tháng tiếp theo;

6. Báo cáo kết quả đầu tư của quỹ tính đến thời điểm đăng ký niêm yết có xác nhận của ngân hàng giám sát;

7. Giấy chứng nhận của Trung tâm lưu ký chứng khoán về việc chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng đã đăng ký lưu ký tập trung.

8. *(Các tài liệu khác nếu có).*

..., ngày ... tháng ... năm ...

(tên tổ chức niêm yết)

TM. Quỹ đầu tư đại chúng

Công ty quản lý quỹ

Tổng Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 01 (d)

**GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG
KHOÁN ĐẠI CHỨNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG
KHOÁN ĐẠI CHỨNG**

Cổ phiếu:.... *(tên cổ phiếu)*

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán ...

I. Giới thiệu về tổ chức đăng ký niêm yết:

1. Tên tổ chức đăng ký niêm yết *(đầy đủ)*:
2. Tên Tiếng Anh *(nếu có)*:
3. Tên viết tắt *(nếu có)*:
4. Vốn điều lệ:
5. Địa chỉ trụ sở chính:
6. Điện thoại: Fax:
7. Nơi mở tài khoản:
8. Số hiệu tài khoản:
9. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh đầu tư chứng khoán số...ngày...tháng...năm...

II. Cổ phiếu đăng ký niêm yết:

1. Tên cổ phiếu:
2. Loại cổ phiếu:
3. Mệnh giá cổ phiếu: đồng
4. Giá niêm yết dự kiến: đồng/cổ phiếu
5. Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: cổ phiếu
6. Thời gian dự kiến niêm yết:

7. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký niêm yết trên tổng số cổ phần đã phát hành:

III. Các bên liên quan:

(Tổ chức tư vấn niêm yết, kiểm toán...)

IV. Cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết:

Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại. Chúng tôi cam kết:

Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

V. Hồ sơ kèm theo:

1. Sổ đăng ký cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
2. Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo mẫu do Bộ Tài chính quy định và Hợp đồng giám sát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
3. Bản cáo bạch theo mẫu của Bộ Tài chính;
4. Cam kết của cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng, cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng (nếu có) của công ty đầu tư chứng khoán về việc nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo;
5. Báo cáo kết quả đầu tư của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng tính đến thời điểm đăng ký niêm yết có xác nhận của ngân hàng giám sát;
6. Giấy chứng nhận của Trung tâm lưu ký chứng khoán về việc cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đã đăng ký lưu ký tập trung.
7. (Các tài liệu khác nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...

(tên tổ chức đăng ký niêm yết)

**Đại diện theo pháp luật của tổ chức
đăng ký niêm yết**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 02

MẪU BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU/TRÁI PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán)

(trang bìa)

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY: ABC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số do.... cấp ngày ...tháng ...năm...hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số: do cấp ngày.....)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU (TRÁI PHIẾU)
TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...**

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .../SGD...- QĐ do.....cấp ngày ... tháng. . . năm ...)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên:Số điện thoại:Chức vụ:.....

(trang bìa)

CÔNG TY: ABC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số do.... cấp ngày ...tháng ...năm)

(Ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, fax, email, website của công ty)

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU (TRÁI PHIẾU)
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...**

Tên cổ phiếu/trái phiếu:

Loại cổ phiếu/trái phiếu:

Mã cổ phiếu/trái phiếu (nếu có):

Thời điểm đáo hạn(đối với trái phiếu):

Lãi suất (đối với trái phiếu):

Kỳ trả lãi (đối với trái phiếu):

Mệnh giá:

Tổng số lượng niêm yết:

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá):

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY:..... (ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY:..... (ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch)

(trang bìa)

MỤC LỤC

Trang

**I. Các nhân tố rủi ro ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán
niêm yết**

**II. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung
Bản cáo bạch**

III. Các khái niệm

IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức niêm yết

V. Chứng khoán niêm yết

VI. Các đối tác liên quan tới việc niêm yết

VII. Phụ lục

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

(Phân tích rõ ảnh hưởng của các nhân tố rủi ro đến giá cả chứng khoán niêm yết)

1. Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

- 1.1. Rủi ro về kinh tế
- 1.2. Rủi ro về luật pháp
- 1.3. Rủi ro đặc thù (*ngành, công ty, lĩnh vực hoạt động*)
- 1.4. Rủi ro khác

2. Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

2.1. Rủi ro về lãi suất: *(Phân tích tình hình huy động và cho vay, chênh lệch giữa kỳ hạn tiền gửi và tiền vay, từ đó những biến động về lãi suất đã gây tác động thế nào tới giá trị các khoản tiền gửi và cho vay)*

2.2. Rủi ro về tín dụng: *(Phân tích rủi ro có thể xảy ra do có một số công ty vì lý do cụ thể nào đó có thể không trả được nợ vay)*

2.3. Rủi ro về ngoại hối: *(Biến động tỷ giá đã gây tác động thế nào đến giá trị của các loại tài sản có và nợ bằng ngoại tệ. Kết quả ròng của các tác động này là thuận lợi hay bất lợi)*

2.4. Rủi ro về thanh toán: *(Phân tích khả năng có thể xảy ra việc rút tiền đột xuất với khối lượng lớn của người gửi tiền và khả năng của ngân hàng trong việc bảo đảm tiền mặt để đáp ứng yêu cầu rút tiền thường xuyên và đột xuất (đặc biệt là nhu cầu đột xuất) của khách hàng)*

2.5. Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng: *(Phân tích các giao dịch kỳ hạn, các khoản cam kết cho vay, các khoản bảo lãnh L/C có khả năng gây ra những tác động gì đến tình hình tài chính của ngân hàng)*

2.6. Rủi ro luật pháp:

2.7. Rủi ro khác: *(Rủi ro bất khả kháng: thiên tai, dịch hoạ...)*

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông/Bà: Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông/Bà: Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc)

Ông/Bà: Chức vụ: Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc) có liên quan đến việc đăng ký niêm yết.

Ông/Bà: Chức vụ: Kế toán trưởng hoặc Giám đốc Tài chính

Ông/Bà: Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà:

Chức vụ:

Giấy UQ:

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do (*tên tổ chức tư vấn*) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn (nếu có) với (*tên tổ chức niêm yết*). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do (*tên tổ chức niêm yết*) cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

(Những từ, nhóm từ viết tắt hoặc khó hiểu, hoặc có thể gây hiểu lầm được thể hiện trong bản cáo bạch cần phải định nghĩa)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

- Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết
- Quá trình hình thành, phát triển
- Quá trình tăng vốn...

2. Cơ cấu tổ chức công ty (và cơ cấu trong tập đoàn nếu có) (*thể hiện bằng sơ đồ và kèm theo diễn giải*)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty (*thể hiện bằng sơ đồ và kèm theo diễn giải*)

4. Danh sách cổ đông (tên, địa chỉ, số CMND, số ĐKKD (nếu có)) nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ (nếu các qui định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực); cơ cấu cổ đông (tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và tỷ lệ nắm giữ);

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết, gồm: tên, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ đã đăng ký, vốn điều lệ thực góp; vốn đăng ký/vốn thực góp của tổ chức ĐKNY, tỷ lệ nắm giữ của TCDKNY...

6. Hoạt động kinh doanh

6.1. Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

6.1.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm (*tỷ lệ từng loại sản phẩm/dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận*)

6.1.2. Nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu;
- Sự ổn định của các nguồn cung cấp này;
- Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận.

6.1.3. Chi phí sản xuất (*cao hay thấp, có tính cạnh tranh hay không?*), tỷ lệ từng loại chi phí/doanh thu

6.1.4. Trình độ công nghệ

6.1.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (*nếu có*)

6.1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng;
- Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty.

6.1.7. Hoạt động Marketing

6.1.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

6.1.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết (*nêu tên, trị giá, thời gian thực hiện, sản phẩm, đối tác trong hợp đồng*)

6.2. Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

6.2.1. Ngành nghề kinh doanh chính của công ty:

- Chủng loại và chất lượng sản phẩm/dịch vụ;
- Huy động vốn (*Cơ cấu, tỷ trọng nguồn vốn huy động trong nước, ngoài nước của tổ chức đăng ký niêm yết trong 2-3 năm gần nhất*)
- Hoạt động tín dụng (*Hiệu quả, tỷ lệ an toàn vốn, tổng dư nợ cho vay, tỷ lệ nợ khó đòi, rủi ro lãi suất, phân loại... trong 2-3 năm gần nhất*)
- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán (*Tình hình hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế trong 2-3 năm gần nhất*)

- Hoạt động ngân hàng đại lý (*nếu có*)

6.2.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn;

6.2.3. Thị trường hoạt động

- Mạng lưới chi nhánh
- Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng
- Thị phần và khả năng cạnh tranh

6.2.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong hai (02) năm gần nhất và quý gần nhất (nếu có).

- Kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	% tăng giảm	Quý gần nhất
<p><i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i></p> <p>Tổng giá trị tài sản</p> <p>Vốn chủ sở hữu</p> <p>Doanh thu thuần</p> <p>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</p> <p>Lợi nhuận khác</p> <p>Lợi nhuận trước thuế</p> <p>Lợi nhuận sau thuế</p> <p>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức</p> <p>Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</p> <p><i>* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i></p> <p>Tổng giá trị tài sản</p> <p>Vốn chủ sở hữu</p> <p>Doanh thu</p> <p>Thuế và các khoản phải nộp</p> <p>Lợi nhuận trước thuế</p> <p>Lợi nhuận sau thuế</p> <p>Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</p>				

(Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất).

- Các chỉ tiêu khác (*tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất*)

- Ý kiến kiểm toán, hướng xử lý, khắc phục đến thời điểm ĐKNY (nếu có).

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo (*Nêu rõ những nhân tố thuận lợi và khó khăn tác động chính đến tình hình kinh doanh của công ty trong năm báo cáo. Trường hợp tình hình kinh doanh của công ty giảm sút, cần giải trình rõ nguyên nhân*)

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

- Vị thế của công ty trong ngành;

- Triển vọng phát triển của ngành;

- So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành;

- Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

9. Chính sách đối với người lao động

- Số lượng người lao động trong công ty

- Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp, . . .

10. Chính sách cổ tức (*trong trường hợp cổ phiếu - nêu rõ tỷ lệ cổ tức trong hai năm gần nhất, các chính sách liên quan đến việc trả cổ tức, nêu rõ việc thanh toán cổ tức qua các năm và việc tạm ứng cổ tức đến thời điểm gần nhất (nếu có)*)
hoặc chính sách vay nợ trong thời hạn trái phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của trái phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của tổ chức đăng ký niêm yết (*trong trường hợp niêm yết trái phiếu*)

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1. Đối với các tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

11.1.1 Các chỉ tiêu cơ bản (*trong năm gần nhất*)

- Trích khấu hao TSCĐ: (*theo đúng chế độ quy định? có thay đổi gì trong chính sách khấu hao?*)

- Mức lương bình quân: (*so với mức lương bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành trong cùng địa bàn?*)

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn: (*có thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ không?*)

- Các khoản phải nộp theo luật định: (*có thực hiện theo luật định?*)

- Trích lập các quỹ theo luật định: (*có đúng theo Điều lệ và luật định?*)

- Tổng dư nợ vay: (*ghi rõ nợ quá hạn, tổng dư nợ bảo lãnh (nếu có), quá hạn ngắn hạn hay trung hạn và dài hạn, nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn, khả năng thu hồi*)

- Tình hình công nợ hiện nay: (*tổng số nợ phải thu, tổng số nợ phải trả*)

11.1.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (*tuỳ theo từng ngành*)

Các chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	Ghi chú
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: $\frac{\text{TSLĐ/Nợ ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$ + Hệ số thanh toán nhanh: $\frac{\text{TSLĐ - Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$			
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: $\frac{\text{Giá vốn hàng bán}}{\text{Hàng tồn kho bình quân}}$ + Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

(*Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ, chỉ tiêu tài chính dựa theo báo cáo công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất*)

11.2. Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

Chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	Ghi chú
1. Quy mô vốn			
– Vốn điều lệ			
– Tổng tài sản có			
– Tỷ lệ an toàn vốn			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh			
– Doanh số huy động tiền gửi			
– Doanh số cho vay			
– Doanh số thu nợ			
– Nợ quá hạn			
– Nợ khó đòi			
– Hệ số sử dụng vốn			
– Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
– Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ			
– Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
3. Khả năng thanh khoản			
– Khả năng thanh toán ngay			
– Khả năng thanh toán chung			

(Tính toán các hệ số trên áp dụng theo Quyết định số 06/2008/QĐ-NHNN ngày 12/3/2008 của Thống đốc NHNN ban hành quy định xếp loại ngân hàng thương mại cổ phần).

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

- Danh sách (Tên, tuổi, số CMND)
- Sơ yếu lý lịch, bao gồm các nội dung sau:

+ Chức vụ hiện tại (thời gian đảm nhiệm tính đến thời điểm hiện tại), chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác, các công tác đã trải qua, bằng cấp;

+ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết;

+ Các khoản nợ đối với công ty (nếu có) (áp dụng cho niêm yết cổ phiếu);

+ Thù lao và các khoản lợi ích khác (nếu có);

+ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết (nếu có).

13. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu)

Chỉ tiêu	Năm X+1	
	Giá trị, %	% tăng giảm so với năm X
Doanh thu thuần (hoặc Doanh số cho vay đối với tổ chức tín dụng)		
Lợi nhuận sau thuế		
Vốn chủ sở hữu		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		
Cổ tức		

- Nêu căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên.

- Kế hoạch đầu tư, dự án đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua.

- Kế hoạch tăng vốn điều lệ (nếu có)

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết (thông tin về trái phiếu chuyển đổi, và các thông tin liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu...).

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết (nếu có).

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

2. Mệnh giá

3. Tổng số chứng khoán niêm yết: Nêu rõ số lượng chứng khoán đã phát hành nhưng chưa được niêm yết và lý do chưa niêm yết (nếu có).

4. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

5. Xếp hạng tín nhiệm (nếu có)

6. Phương pháp tính giá

7. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn (đối với niêm yết trái phiếu) (công thức tính kèm theo ví dụ minh họa)

8. Phương thức thực hiện quyền

- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền;
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi;
- Phương pháp tính và đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền;

- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phần hoặc chứng quyền.

9. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với trái phiếu niêm yết (sử dụng số liệu lạm phát trong vòng 05 năm để dự báo tác động của lạm phát với lợi suất trái phiếu)

10. Cam kết về tỷ lệ đảm bảo (trong trường hợp niêm yết trái phiếu có đảm bảo).

11. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)

12. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

(Nêu tên, địa chỉ trụ sở chính và giới thiệu sơ bộ các đối tác có liên quan đến việc niêm yết: đại diện người sở hữu trái phiếu, tổ chức kiểm toán, tư vấn...)

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết

3. Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản (nếu có)

4. Phụ lục IV: Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng,... (nếu có)

5. Phụ lục V: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết

6. Phụ lục VI: Báo cáo kiểm toán (nguyên văn báo cáo kiểm toán)

7. **Phụ lục VII:** Các báo cáo tài chính
8. **Phụ lục VIII:** Báo cáo về những tranh chấp pháp luật;
9. **Các phụ lục khác** (*nếu có*)

**Tất cả chữ ký của người chịu trách nhiệm nội
dung BCB**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 03

MẪU BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán)

(trang bìa)

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG CHỈ QUỸ CŨNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TÊN QUỸ

(Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ số do UBCKNN cấp ngày ...tháng ... năm....)

NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN...

(Đăng ký niêm yết số: ... do SGDCK ... cấp ngày ... tháng ... năm ...)

1. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin;
2. Nơi cung cấp Bản cáo bạch, phương tiện công bố bản cáo bạch (trụ sở chính, chi nhánh Công ty, Website...);

(trang bìa)

MỤC LỤC

	Trang
I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch	
II. Các Thuật ngữ/Định nghĩa	
III. Cơ hội đầu tư	
IV. Thông tin về Quỹ đầu tư	
V. Thông tin về công ty quản lý quỹ và các tổ chức khác có liên quan	
VI. Niêm yết chứng chỉ quỹ	
VII. Cam kết	
VIII. Phụ lục đính kèm	

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết – Tên Quỹ

1.1 Các thành viên chủ chốt của Công ty quản lý quỹ (Tên Cty QLQ) gồm có:

Ông/Bà: Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên

Ông/Bà: Chức vụ: Giám đốc /Tổng giám đốc

Ông/Bà: Chức vụ: Kế toán trưởng

1.2 Các thành viên Ban đại diện quỹ gồm có:

Ông/Bà: Chức vụ: Chủ tịch

Ông/Bà: Chức vụ: Phó chủ tịch

Ông/Bà: Chức vụ: Thành viên

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Các tổ chức có liên quan:

2.1. Ngân hàng giám sát:

Ông/Bà: Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông/Bà: Chức vụ: Giám đốc /Tổng giám đốc

2.2. Công ty định giá tài sản (nếu có)

2.3. Tổ chức tư vấn :

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà:

Chức vụ:

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do (tên tổ chức tư vấn) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với (tên tổ chức đăng ký niêm yết). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do (tên tổ chức đăng ký niêm yết) cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Phần này dành để giải thích các thuật ngữ/ định nghĩa dùng trong Bản cáo bạch.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

2. Thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư

IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về Quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ, điện thoại, fax, website, email của Quỹ.

1.2. Ban đại diện quỹ:

Giới thiệu về Ban đại diện Quỹ:

- Cơ cấu Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ;
- Thông tin tóm tắt về các thành viên trong Ban đại diện Quỹ (họ tên, chức vụ, số CMND/hộ chiếu, kinh nghiệm làm việc...) và người có liên quan.

1.3. Quá trình thành lập Quỹ:

Ghi rõ quá trình từ lúc được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng cho đến khi được cấp Giấy đăng ký lập quỹ công chúng, gồm các nội dung sau:

❖ Kết quả huy động vốn cho Quỹ :

- Tên quỹ phát hành:
- Loại hình quỹ:
- Mệnh giá:
- Tổng số lượng chứng chỉ quỹ thực tế phân phối:
- Tổng giá trị thực tế huy động (trừ các loại phí liên quan đến phát hành):
- Ngày phát hành:
- Ngày kết thúc huy động vốn:
- Ngân hàng giám sát:
- Tài khoản nộp tiền:

❖ Báo cáo kết quả huy động vốn đã được ngân hàng giám sát xác nhận và đệ trình UBCKNN

❖ Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ

2. Điều lệ Quỹ

Tóm tắt Điều lệ Quỹ với các thông tin chính sau đây:

2.1. Các điều khoản chung

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

- Mục tiêu đầu tư;
- Chiến lược đầu tư/Chính sách đầu tư, lĩnh vực ngành nghề dự định đầu tư;
- Tài sản được phép đầu tư;

- Cơ cấu đầu tư;
- Các hạn chế đầu tư;
- Phương pháp lựa chọn đầu tư /Quy trình đầu tư và ra quyết định đầu tư;

2.3. Nhà đầu tư, sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ và chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đầu tư

- Nhà đầu tư;
- Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư;
- Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ;
- Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ;
- Thừa kế chứng chỉ quỹ đầu tư;

2.4. Phân phối kết quả hoạt động

- Phương thức phân phối lợi nhuận của quỹ;
- Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ;

2.5. Đại hội người đầu tư

- Đại hội người đầu tư thường niên, bất thường;
- Quyền hạn và nhiệm vụ của người đầu tư, đại hội người đầu tư;
- Thể thức tiến hành Đại hội người đầu tư;
- Quyết định của đại hội người đầu tư.

2.6. Ban đại diện Quỹ

- Tổ chức Ban đại diện Quỹ (danh sách ban đại diện quỹ);
- Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ;
- Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ;
- Chủ tịch Ban đại diện quỹ;
- Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ;
- Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ;
- Người đại diện cho thành viên Ban đại diện Quỹ;
- Biên bản họp Ban đại diện Quỹ.

2.7. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ

- Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ;
- Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ;

- Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ.

2.8. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

- Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát;
- Trách nhiệm, quyền hạn của ngân hàng giám sát;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát.

2.9. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

3. Mục tiêu đầu tư của Quỹ:

4. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

- 4.1. Rủi ro thị trường
- 4.2. Rủi ro lãi suất
- 4.3. Rủi ro lạm phát
- 4.4. Rủi ro thiếu tính thanh khoản
- 4.5. Rủi ro pháp lý
- 4.6. Rủi ro tín nhiệm
- 4.7. Rủi ro xung đột lợi ích
- 4.8. Rủi ro khác

5. Phí, lệ phí và thưởng hoạt động

- 5.1. Phí phát hành
- 5.2. Phí quản lý
- 5.3. Phí giám sát, phí lưu ký
- 5.4. Các loại phí và lệ phí khác
- 5.5. Thưởng hoạt động
- 5.6. Các thông tin khác

6. Giao dịch chứng chỉ quỹ

- 6.1. Chuyển nhượng và thừa kế chứng chỉ quỹ
- 6.2. Thời hạn nắm giữ tối thiểu
- 6.3. Các quy định khác

7. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- 7.1. Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng
- 7.2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

8. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

Nêu rõ phương thức tính các khoản thu nhập của Quỹ; kế hoạch và phương thức phân chia lợi nhuận của Quỹ cho các nhà đầu tư.

9. Chế độ báo cáo

Nêu rõ nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trong việc cung cấp báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động tháng quý năm cho người đầu tư của Quỹ.

10. Địa chỉ liên lạc giải đáp thắc mắc cho các nhà đầu tư

Ghi rõ thông tin về địa chỉ, số điện thoại liên lạc để các nhà đầu tư có thể tiếp xúc với Công ty quản lý Quỹ nhằm giải đáp các thắc mắc liên quan đến Quỹ.

V. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN:

1. Thông tin về công ty quản lý Quỹ

1.1. Thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ:

1.1.1. Tên và địa chỉ trụ sở (địa chỉ, điện thoại, fax, website, email), chi nhánh, Văn phòng đại diện (nếu có) của Công ty quản lý quỹ;

1.1.2. Số giấy phép (đính kèm bản sao Giấy phép vào Bản cáo bạch);

1.1.3. Giới thiệu về các cổ đông/thành viên sáng lập Công ty QLQ và người có liên quan;

1.1.4. Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng quản trị /Hội đồng thành viên Công ty QLQ

- Cơ cấu HĐQT/HĐTV Công ty Quản lý Quỹ;

- Thông tin tóm tắt về các thành viên trong HĐQT/HĐTV (họ tên, chức vụ, số CMND/hộ chiếu, kinh nghiệm làm việc...).

1.1.5. Giới thiệu về Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

- Cơ cấu Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

- Thông tin tóm tắt về các thành viên trong Ban điều hành (họ tên, chức vụ, số CMND/hộ chiếu, kinh nghiệm làm việc...) và những người có liên quan.

1.1.6. Giới thiệu về Hội đồng cố vấn/Hội đồng đầu tư:

- Thông tin tóm tắt về các thành viên trong Hội đồng cố vấn/Hội đồng đầu tư (họ tên, chức vụ, số CMND/hộ chiếu, kinh nghiệm làm việc...).

1.1.7. Giới thiệu về người hành nghề quản lý tài sản trực tiếp quản lý quỹ:

- Họ và tên:

- Số CMND/Hộ chiếu:

- Số chứng chỉ hành nghề:

- Quá trình công tác và kinh nghiệm làm việc:

1.2. Thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ.

- Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ (kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính...) từ ngày thành lập đến thời điểm gần nhất so với ngày đưa thông tin vào Bản cáo bạch.

- Các loại quỹ mà công ty đang quản lý;

- Yêu cầu: nêu rõ nguồn gốc, thời gian cung cấp các thông tin trên; nêu rõ các thông tin về hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ, không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai.

- Bản cáo bạch không được cung cấp vì mục đích riêng, theo xu hướng thổi phồng các thành công và che đậy thất bại đối với các thông tin về tình hình hoạt động, kinh nghiệm quản lý trong quá khứ cũng như hiện tại của Công ty quản lý quỹ, tình hình hoạt động trong quá khứ cũng như hiện tại của các quỹ khác do Công ty quản lý quỹ đang quản lý.

2. Thông tin về ngân hàng giám sát:

2.1. Các thông tin chung về ngân hàng giám sát (tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website, email, chức năng...);

2.2. Đính kèm hợp đồng giám sát giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

3. Thông tin về công ty kiểm toán

3.1. Các thông tin chung về Công ty kiểm toán BCTC của Quỹ đầu tư (tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website, email, chức năng...);

3.2. Đính kèm hợp đồng kiểm toán giữa Công ty QLQ và Công ty kiểm toán.

4. Thông tin về Công ty tư vấn luật nếu có (nếu có)

4.1. Các thông tin chung về Công ty tư vấn luật (tên, địa chỉ, điện thoại, fax, website, email, chức năng...);

4.2. Đính kèm hợp đồng tư vấn luật giữa Công ty QLQ và Công ty tư vấn luật.

5. Thông tin về tổ chức định giá (nếu có)

VI. NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Các thông tin chung về niêm yết chứng chỉ quỹ:

- Tên chứng khoán:
- Loại chứng khoán:
- Mệnh giá:
- Tổng số chứng khoán niêm yết:
- Phương pháp tính giá:

2. Giấy uỷ quyền của ban đại diện quỹ cho Công ty quản lý quỹ về việc tiến hành các thủ tục niêm yết;

3. Số lượng chứng chỉ quỹ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

4. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

6. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)

7. Các thông tin khác.

VII. CAM KẾT

Công ty quản lý quỹ, công ty tư vấn, ngân hàng giám sát (và những tổ chức có liên quan khác) cam đoan những thông tin trong báo cáo này và các tài liệu đính kèm là đầy đủ, chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan

VIII. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Điều lệ Quỹ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua

2. Các phụ lục khác được nói đến trong BCB

3. Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến chứng chỉ quỹ niêm yết.

4. Địa chỉ cung cấp Bản cáo bạch

**Tất cả chữ ký của người chịu trách nhiệm nội
dung BCB**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 04

MẪU BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán)

(trang bìa)

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN ... CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN CŨNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TÊN CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

(Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập và hoạt động của Công ty đầu tư chứng khoán sốdo UBCKNN cấp ngày ...tháng ...năm....)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

(Đăng ký niêm yết số: ... do SGDCK ... cấp ngày ... tháng ... năm ...)

1. Họ tên, chức danh và địa chỉ của người phụ trách công bố thông tin;
2. Nơi cung cấp Bản cáo bạch, phương tiện công bố bản cáo bạch (trụ sở chính, chi nhánh Công ty, Website...)

(trang bìa)

MỤC LỤC

	Trang
I. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản cáo bạch	
II. Các thuật ngữ, định nghĩa	
III. Cơ hội đầu tư	
IV. Thông tin về công ty quản lý quỹ	
V. Ngân hàng lưu ký, giám sát	
VI. Công ty kiểm toán	
VII. Công ty tư vấn luật	
VIII. Quá trình thành lập Công ty đầu tư chứng khoán	
IX. Các thông tin về công ty đầu tư chứng khoán	
X. Tình hình hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán	
XI. Xung đột lợi ích	
XII. Cung cấp thông tin cho cổ đông (chế độ báo cáo, ...)	
XIII. Niêm yết cổ phiếu Công ty đầu tư chứng khoán	
XIV. Địa chỉ liên lạc, giải đáp thắc mắc cho các cổ đông	
XV. Cam kết	
XVI. Phụ lục đính kèm	

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Hội đồng quản trị Công ty đầu tư chứng khoán:

Ông/Bà: Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông/Bà: Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông/Bà: Chức vụ: Thành viên

2. Công ty quản lý quỹ (tổ chức đăng ký niêm yết cho công ty đầu tư chứng khoán ...)

Ông/Bà: Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên

Ông/Bà: Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc)

Ông/Bà: Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

3. Ngân hàng giám sát

Đại diện theo pháp luật: Ông/bà:.....

Chức vụ:.....

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do (tên Công ty quản lý quỹ) lập sau khi có xác nhận của (tên Ngân hàng giám sát). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do (tên các tổ chức liên quan) cung cấp.

4. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà:

Chức vụ:

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do (tổ chức tư vấn) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với (tên tổ chức đăng ký niêm yết). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do (tên tổ chức đăng ký niêm yết) cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Phần này dành để giải thích các thuật ngữ/ định nghĩa dùng trong Bản cáo bạch.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

2. Thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về Công ty Quản lý Quỹ:

- Tên công ty:
- Giấy phép thành lập và hoạt động số:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax: Website:
- Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có):
- Thời hạn hoạt động (nếu có):
- Vốn điều lệ:
- Cổ đông/thành viên công ty quản lý quỹ:
- Giới thiệu về cổ đông/thành viên sáng lập;
- Giới thiệu về cổ đông/thành viên từ 5% vốn điều lệ;
- Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng quản trị/hội đồng thành viên Công ty QLQ
 - Cơ cấu HĐQT Công ty Quản lý Quỹ;
 - Thông tin tóm tắt về các thành viên trong HĐQT (họ tên, chức vụ, kinh nghiệm làm việc...).
- Giới thiệu về Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ
 - Cơ cấu Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ;
 - Thông tin tóm tắt về các thành viên trong Ban điều hành (họ tên, chức vụ, kinh nghiệm làm việc...).
- Giới thiệu về Hội đồng đầu tư (thông tin tóm tắt các thành viên)
 - Cơ cấu Hội đồng đầu tư Công ty Quản lý Quỹ;
 - Thông tin tóm tắt về các thành viên trong Hội đồng đầu tư (họ tên, chức vụ, kinh nghiệm làm việc...).

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ:

- Tổng hợp tình hình hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ (*kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính...*) từ ngày thành lập đến thời điểm gần nhất so với ngày đưa thông tin vào Bản cáo bạch;
- Các loại quỹ/Công ty đầu tư chứng khoán mà công ty đang quản lý (*nêu chi tiết danh sách, tên quỹ/Công ty đầu tư chứng khoán, loại hình quỹ/Công ty đầu tư chứng khoán...*);
- Yêu cầu: nêu rõ nguồn gốc, thời gian cung cấp các thông tin trên; nêu rõ các thông tin về hoạt động trong quá khứ của Công ty quản lý quỹ, không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai.
- Trong bản cáo bạch không được cung cấp vì mục đích riêng, theo xu hướng thổi phồng các thành công và che đậy thất bại đối với các thông tin về tình hình hoạt động, kinh nghiệm quản lý quá khứ cũng như hiện tại của Công ty quản lý quỹ, tình hình hoạt động quá khứ cũng như hiện tại của các quỹ/Công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty quản lý quỹ đang quản lý.

V. NGÂN HÀNG LƯU KÝ, GIÁM SÁT

- Tên ngân hàng:
- Giấy phép thành lập số: (đính kèm bản sao)

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax: Website:
- Thời hạn hoạt động (nếu có)
- Lĩnh vực hoạt động chính :
(Đính kèm hợp đồng giám sát giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát).

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

- Tên công ty:
- Giấy phép thành lập số: (đính kèm bản sao)
- Nơi thành lập:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax: Website:
- Thời hạn hoạt động (nếu có)
(Đính kèm hợp đồng kiểm toán giữa Công ty QLQ và Công ty kiểm toán và đính kèm văn bản chấp thuận của UBCKNN về việc được kiểm toán cho tổ chức đăng ký niêm yết).

VII. CÔNG TY TƯ VẤN LUẬT (Nếu có)

- Tên công ty:
- Giấy phép thành lập số: (đính kèm bản sao)
- Nơi thành lập:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax: Website:
- Thời hạn hoạt động (nếu có)
(Đính kèm hợp đồng kiểm toán giữa Công ty QLQ và Công ty tư vấn luật)

VIII. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Ghi rõ quá trình từ lúc được cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng cho đến khi được cấp Giấy đăng ký thành lập và hoạt động Công ty đầu tư chứng khoán, gồm các nội dung sau:

- ❖ Kết quả huy động vốn:
 - Tên Công ty đầu tư chứng khoán:
 - Thời hạn hoạt động:
 - Mệnh giá:
 - Giá phát hành:
 - Phí phát hành lần đầu:
 - Tổng số lượng cổ phiếu thực tế phân phối:
 - Tổng giá trị thực tế huy động (trừ các loại phí liên quan đến phát hành):
 - Ngày phát hành:
 - Ngày kết thúc phát hành:

(Báo cáo kết quả phát hành đã được ngân hàng giám sát xác nhận và đệ trình UBCKNN)

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

1. Thông tin chung về công ty đầu tư chứng khoán

- 1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của công ty đầu tư chứng khoán
- 1.2 Giấy đăng ký phát hành
- 1.3 Giấy phép thành lập và hoạt động công ty đầu tư chứng khoán
- 1.4 Thời gian hoạt động (nếu có)

2. Thông tin về cổ đông sáng lập và Hội đồng quản trị Công ty đầu tư chứng khoán

- 2.1. Thông tin cổ đông sáng lập của Công ty (cơ cấu sở hữu cổ phần)
- 2.2. Giới thiệu về Hội đồng quản trị Công ty (thông tin tóm tắt các thành viên)
 - *Cơ cấu Hội đồng quản trị*
 - *Thông tin tóm tắt về các thành viên trong Hội đồng quản trị (họ tên, chức vụ, kinh nghiệm làm việc...)*

3. Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán.

Tóm tắt Điều lệ công ty đầu tư chứng khoán với các thông tin chính sau đây:

- 3.1. Các điều khoản chung
- 3.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế

- Mục tiêu đầu tư
- Chiến lược đầu tư
- Tài sản được phép đầu tư
- Cơ cấu đầu tư
- Các hạn chế đầu tư
- Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ
- Phương pháp lựa chọn đầu tư /;
- Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

3.3. Quyền, nghĩa vụ cổ đông

- Cổ đông
- Quyền và nghĩa vụ của cổ đông
- Sổ đăng ký cổ đông
- Quyền biểu quyết của cổ đông
- Các trường hợp hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể công ty đầu tư chứng khoán và quyền của cổ đông trong trường hợp thanh lý, giải thể công ty đầu tư chứng khoán/

3.4. Thông tin về các mức phí mà công ty đầu tư chứng khoán phải trả

- Phí quản lý
- Phí giám sát
- Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật
- Các loại phí, chi phí hạch toán vào công ty đầu tư.

3.5. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

- Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của công ty đầu tư chứng khoán;

- Chính sách thuế: thuế áp dụng đối với công ty đầu tư chứng khoán, thuế thu nhập đối với cổ đông (hình thức thanh toán: khấu trừ tại nguồn hoặc cổ đông tự thanh toán)

3.6. Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường
- Quyền hạn và nhiệm vụ đại hội đồng cổ đông;
- Thử thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định của đại hội đồng cổ đông.

3.7. Hội đồng quản trị

- Tổ chức hội đồng quản trị;
- Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên hội đồng quản trị;
- Quyền hạn và nhiệm vụ của hội đồng quản trị;
- Chủ tịch hội đồng quản trị;

3.8. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty quản lý quỹ

- Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ;
- Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty quản lý quỹ;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty quản lý quỹ;
- Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý quỹ.

3.9. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

- Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát;
- Trách nhiệm, quyền hạn của ngân hàng giám sát;
- Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát.

3.10. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

4. Các rủi ro khi đầu tư vào công ty đầu tư chứng khoán: Ghi rõ quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư của công ty như thế nào

- 4.1. Rủi ro thị trường
- 4.2. Rủi ro lãi suất
- 4.3. Rủi ro lạm phát
- 4.4. Rủi ro thiếu tính thanh khoản
- 4.5. Rủi ro pháp lý

- 4.6. Rủi ro tín nhiệm
- 4.7. Rủi ro xung đột lợi ích
- 4.8. Rủi ro đối với sản phẩm đầu tư cụ thể (tùy theo loại tài sản mà Công ty dự kiến đầu tư)
- 4.9. Rủi ro cá biệt
- 4.10. Rủi ro khác

5. Các thông tin đầu tư khác

X. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

1. Báo cáo tài chính (cập nhật hàng năm): Thông tin về tình hình hoạt động đầu tư của Công ty đầu tư tài chính 02 năm gần nhất

2. Phí, lệ phí và thưởng hoạt động

- 2.1. Phí phát hành lần đầu
- 2.2. Phí quản lý
- 2.3. Phí giám sát, phí lưu ký
- 2.4. Các loại phí và lệ phí khác (phí kiểm toán, tư vấn thuế, định giá....)
- 2.5. Các thông tin khác

3. Các chỉ tiêu hoạt động

4. Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của công ty đầu tư chứng khoán

Nêu rõ phương thức tính các khoản thu nhập của công ty đầu tư chứng khoán; kế hoạch và phương thức phân chia lợi nhuận của công ty đầu tư chứng khoán cho các cổ đông.

5. Dự báo kết quả hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán

Trong bản cáo bạch có thể đưa ra các dự báo, ước đoán về tình hình chung của nền kinh tế, của thị trường chứng khoán, các xu hướng phát triển kinh tế, v.v... nhưng phải nêu rõ các dự báo, ước đoán trên không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của công ty đầu tư chứng khoán. Bản cáo bạch phải nêu rõ các căn cứ để đưa ra các dự báo trên.

6. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của công ty đầu tư chứng khoán

XI. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

(Nêu ra nguyên tắc trong việc giải quyết các xung đột lợi ích có thể xảy ra)

XII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CỔ ĐÔNG (CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, ...)

Nêu rõ nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trong việc cung cấp bản cáo bạch, báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động tháng quý năm cho cổ đông của công ty đầu tư chứng khoán.

XIII. NIÊM YẾT CỔ PHIẾU CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Các thông tin chung về niêm yết cổ phiếu:

1. Tên chứng khoán:
2. Loại chứng khoán:
3. Mệnh giá:
4. Tổng số chứng khoán niêm yết:
5. Phương pháp tính giá:
6. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành
7. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết
8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài
9. Các loại thuế có liên quan (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)
10. Các thông tin khác.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC CỔ ĐÔNG

Ghi rõ thông tin về địa chỉ, số điện thoại liên lạc để các cổ đông có thể tiếp xúc với Công ty quản lý Quỹ nhằm giải đáp các thắc mắc liên quan đến công ty đầu tư chứng khoán.

XV. CAM KẾT

Công ty đầu tư chứng khoán, Công ty tư vấn, Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và những tổ chức có liên quan khác cam đoan những thông tin trong báo cáo này và các tài liệu đính kèm là đầy đủ, chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Điều lệ Công ty đã được Đại hội cổ đông thông qua theo Điều lệ mẫu
2. Các phụ lục khác được nói đến trong BCB (BCTC, hợp đồng giám sát ...)
3. Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến cổ phiếu Công ty đầu tư chứng khoán
4. Địa chỉ cung cấp Bản cáo bạch

Tất cả chữ ký của người chịu trách nhiệm nội dung BCB

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 05

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: - Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

I. Thông tin về Tổ chức phát hành

1. Tên Tổ chức phát hành (tên đầy đủ):
2. Tên giao dịch/Tên tiếng anh/tên viết tắt:
3. Trụ sở chính:
4. Điện thoại: Fax:
5. Vốn điều lệ:
6. Vốn thực góp:
7. Số tài khoản: tại Ngân hàng:
8. Giấy đăng ký kinh doanh số: do: cấp lần đầu ngày...,
cấp thay đổi lần thứ.... ngày.....
9. Mẫu chữ ký và mẫu dấu:
 - a. Mẫu chữ ký

Stt	Họ và tên	Mẫu chữ ký
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Họ và tên)	
2	Tổng Giám đốc	

	(Họ và tên)	
3	Người đại diện theo pháp luật (Họ và tên, Chức vụ)	
4	Người đại diện được uỷ quyền liên hệ với VSD (nếu có) (Họ và tên, Chức vụ)	

b. Mẫu dấu của công ty:.....

--	--	--

10. Người đại diện liên hệ với VSD:

- Lãnh đạo:

- Nhân viên:

II. Thông tin về chứng khoán đăng ký, lưu ký, đăng ký giao dịch:

1. Tên cổ phiếu:

2. Mệnh giá:

3. Loại cổ phần:

(Liệt kê đầy đủ các loại cổ phiếu đã phát hành theo Điều lệ công ty: cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi hoàn lại/ưu đãi cổ tức/ưu đãi biểu quyết)

4. Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

trong đó:

+ Cổ phiếu phổ thông:

+ Cổ phiếu ưu đãi (biểu quyết/cổ tức/hoàn lại):

...

(Trường hợp có cổ phiếu góp vốn bằng giá trị thương hiệu cần ghi rõ loại, số lượng cổ phiếu góp vốn bằng giá trị thương hiệu)

5. Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành:

6. Tổng số cổ phiếu đăng ký:
 trong đó: + Cổ phiếu phổ thông:
 + Cổ phiếu ưu đãi (biểu quyết/cổ tức/hoàn lại):
 ...
7. Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký:
8. Số lượng chứng khoán nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ: ... (chiếm ...% CK đăng ký)
9. Số lượng cổ phiếu quỹ:
10. Thông tin về điều kiện chuyển nhượng
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do:(chiếm..% CK đăng ký)
 - Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện (hạn chế chuyển nhượng):
(chiếm..% CK đăng ký)
- (Chi tiết về lý do, thời gian và thông tin về đối tượng sở hữu cổ phiếu chuyển nhượng có điều kiện theo Danh sách người sở hữu chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện đính kèm)
11. Về Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán:
- Do phát hành (*ghi rõ do Công ty tự phát hành hoặc tên tổ chức được ủy quyền phát hành số*)¹
 - Người có thẩm quyền ký xác nhận trên Sổ/Giấy chứng nhận sở hữu chứng khoán:

Họ tên, chức vụ	Mẫu chữ ký

- Mẫu số: Gửi đính kèm

12. Đề xuất của Công ty về mã cổ phiếu:
 (*Giấy đề nghị cấp mã đính kèm*)

III. Thông tin về người sở hữu chứng khoán

¹ Trường hợp ủy quyền quản lý số cổ đông trước khi đăng ký, TCPH bổ sung thêm Hợp đồng quản lý số cổ đông và Biên bản thanh lý hợp đồng, đồng thời đăng ký thêm chữ ký của người có thẩm quyền của CTCK quản lý số ký xác nhận trên Sổ/Giấy CNSHCP (nếu có)

Thông tin người sở hữu chứng khoán: Theo Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán (bản gốc và file dữ liệu theo mẫu của VSD) đính kèm.

IV. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung đăng ký

1. Tổ chức phát hành:

Ông/Bà:

Ông/Bà:

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trong Giấy đề nghị đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch chứng khoán và các tài liệu kèm theo bộ hồ sơ đăng ký, lưu ký, đăng ký giao dịch chứng khoán là trung thực, chính xác, đầy đủ, hợp lệ phù hợp với thực tế mà trong phạm vi trách nhiệm của chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn (áp dụng trong trường hợp có tổ chức tư vấn):

Ông/Bà:

Ông/Bà:

Giấy đề nghị đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch chứng khoán này là một phần của hồ sơ đăng ký, lưu ký, đăng ký giao dịch chứng khoán do Công ty chứng khoán..... tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn..... với Công ty cổ phần..... Chúng tôi đảm bảo rằng việc tư vấn, lập hồ sơ này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần..... cung cấp.

Công ty cổ phần.... cam kết sẽ tuân thủ đúng các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng như các quy định do VSD, SGDCK Hà Nội ban hành.

....., ngày... tháng... năm...

Tổ chức tư vấn

Tổ chức phát hành

Tổng Giám đốc/Giám đốc

Chủ tịch HĐQT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 06

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Chứng khoán:.....(tên chứng khoán)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Giới thiệu về công ty đại chúng đề nghị đăng ký giao dịch:

1. Tên tổ chức đề nghị đăng ký giao dịch (đầy đủ):
2. Tên Tiếng Anh (nếu có):
3. Tên viết tắt (nếu có):.....
4. Vốn điều lệ đăng ký:
5. Vốn điều lệ thực góp:.....
6. Địa chỉ trụ sở chính:.....
7. Điện thoại:Fax:.....
8. Nơi mở tài khoản:..... Số hiệu tài khoản:.....
9. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....do.....cấp ngày.....

hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động số: do cấp ngày.....

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã số:.....

- Sản phẩm/dịch vụ chính:.....

II. Chứng khoán đăng ký giao dịch:

1. Tên chứng khoán:.....
2. Loại chứng khoán:.....

3. Mã chứng khoán:.....
4. Mệnh giá chứng khoán:.....đồng
5. Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch:.....chứng khoán
6. Thời gian dự kiến giao dịch:.....
7. Tỷ lệ số cổ phần đăng ký giao dịch trên tổng số cổ phần đã phát hành:.....

III. Hồ sơ kèm theo:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.
2. Thông tin tóm tắt (theo mẫu số 08 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán).
3. Các tài liệu khác (nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐKGD

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục 07

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2015/TT-BTC ngày tháng năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết một số điều về niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán tại Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

Chứng khoán:...(tên chứng khoán)

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Giới thiệu về tổ chức đăng ký giao dịch

1. Tên tổ chức đăng ký giao dịch (*đầy đủ*):
2. Tên giao dịch:
3. Vốn điều lệ hiện tại:
4. Địa chỉ trụ sở chính:
5. Điện thoại: Fax:
6. Nơi mở tài khoản: Số hiệu tài khoản:
7. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày.... tháng ... năm ... (sửa đổi lần thứ ... ngày...)
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mã số:
- Sản phẩm/dịch vụ chính:

II. Chứng khoán thay đổi đăng ký giao dịch:

1. Tên chứng khoán:
2. Loại chứng khoán:

3. Mã chứng khoán:
3. Mệnh giá chứng khoán:đồng
4. Số lượng chứng khoán thay đổi đăng ký giao dịch:
5. Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch sau khi thay đổi đăng ký giao dịch: chứng khoán.
6. Lý do thay đổi đăng ký giao dịch:
7. Thời gian dự kiến đăng ký giao dịch:

III. Các bên liên quan (nếu có):

1. Tổ chức tư vấn:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:Fax:

- Website:

2. Công ty kiểm toán:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:Fax:

- Website:

3. Các bên liên quan khác :

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:Fax:

- Website:

IV. Cam kết của tổ chức đăng ký giao dịch:

Chúng tôi xin đảm bảo rằng những số liệu trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là số liệu giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua chứng khoán chịu thiệt hại. Chúng tôi cam kết nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm cam kết nêu trên.

V. Hồ sơ kèm theo:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán điều chỉnh do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp;

2. Quyết định về việc tách, sáp nhập tổ chức đăng ký giao dịch (trường hợp tổ chức đăng ký giao dịch tách hoặc nhận sáp nhập);

3. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức đăng ký giao dịch sáp nhập (trường hợp nhận sáp nhập), tổ chức đăng ký giao dịch bị tách (trường hợp tách tổ chức đăng ký giao dịch);

4. Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch (nếu có).

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC ĐKGD

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)